

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTERCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Số: 02359/20HP-TN

No.:

GIẤY CHỨNG NHẬN DUNG TÍCH QUỐC TẾ (1969)
INTERNATIONAL TONNAGE CERTIFICATE (1969)

Theo ủy quyền của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp theo các điều khoản của Công ước quốc tế về đo dung tích tàu biển, 1969.

Issued by the Vietnam Register under the provisions of the International Convention on Tonnage Measurement of Ships, 1969 under the authority of the Government of the Socialist Republic of Vietnam.

Tên tàu Name of Ship	Số đăng ký hoặc hô hiệu Distinctive Number or Letters	Cảng đăng ký Port of Registry	Ngày đặt sống chính (*) Date (*)
THẮNG LONG	XVZT2	Sài Gòn	21/01/2021

(*) Ngày đặt sống chính hoặc ngày tàu ở giai đoạn đóng mới tương đương [Điều 2(6)] hoặc ngày tàu được hoán cải hay sửa đổi đặc tính cơ bản [Điều 3(2)(b)].

(*) Date on which the keel was laid or the ship was at a similar stage of construction [Article 2(6)] or date on which the ship underwent alterations or modifications of a major character [Article 3(2)(b)] as appropriate.

CÁC KÍCH THƯỚC CHÍNH - MAIN DIMENSIONS

Chiều dài [Điều 2(8)] Length [Article 2(8)] (m)	Chiều rộng [Quy định 2(3)] Breadth [Regulation 2(3)] (m)	Chiều cao mạn đến boong cao nhất tại giữa tàu [Quy định 2(2)] Moulded Depth amidships to Upper Deck [Regulation 2(2)] (m)
73,424	10,800	5,200

DUNG TÍCH CỦA TÀU LÀ - THE TONNAGES OF THE SHIP ARE

TỔNG DUNG TÍCH: 1372 DUNG TÍCH CÓ ÍCH : 488
GROSS TONNAGE NET TONNAGE

Xác nhận rằng dung tích của tàu đã được xác định phù hợp với các điều khoản của Công ước quốc tế về đo dung tích tàu biển, 1969.

This is to certify that the tonnages of this ship have been determined in accordance with the provisions of the International Convention on Tonnage Measurement of the Ships, 1969

Cấp tại: Hải Phòng Ngày: 08 tháng 08 năm 2023
Issued Date

Người ký tên dưới đây đã được sự ủy quyền của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để cấp giấy chứng nhận này.

The undersigned declares that he is duly authorized by the said Government to issue this Certificate.

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

This document is signed electronically in accordance with IMO FAL.5/Circ.39/Rev.2.

Validation and authentication can be obtained from <http://xm.vr.org.vn/e-cert> by using ID: 234558 and the Unique Tracking Number (UTN): 02359/20HP-TN

Trần Văn Bắc
Giám đốc
Chi cục đăng kiểm số 10
Cục Đăng kiểm Việt Nam
Bộ Giao thông vận tải



CÁC KHÔNG GIAN TÍNH VÀO DUNG TÍCH - SPACES INCLUDED IN TONNAGE		
TỔNG DUNG TÍCH - GROSS TONNAGE		
Tên không gian - Name of Space	Vị trí - Location	Chiều dài - Length (m)
Dưới boong chính	A.E - F.E	77,46
Kho mũi	Sn.59 - F.E	13,96
Boong khách boong chính	Sn.16 - Sn.59	43,00
Boong khách tầng 2	Sn.16 - Sn.48+500	32,50
Boong khách lầu lái	Sn.19 - Sn.35	16,00
Cabin lái	Sn.35 - Sn.40+400	5,40
Kho, Kho CO2, Thông gió buồng máy	Sn.10 - Sn.13	3,00
		

DUNG TÍCH CỐ ÍCH - NET TONNAGE		
Tên không gian - Name of Space	Vị trí - Location	Chiều dài - Length (m)
<div></div>		
<div>CÁC KHÔNG GIAN KHẤU TRỪ [QUY ĐỊNH 2(5)] EXCLUDED SPACES [Regulation 2(5)]</div> <div>NIL</div> <div>Phải ghi thêm dấu (*) vào những không gian liệt kê ở trên nếu chúng vừa là không gian kín và vừa là không gian khấu trừ. An asterisk (*) should be added to those spaces listed above which comprise both enclosed and excluded spaces.</div>		<div>SỐ HÀNH KHÁCH [QUY ĐỊNH 4(1)] NUMBER OF PASSENGERS [Regulation 4(1)]</div> <div>Số hành khách trong các buồng không quá 8 giường: NIL Number of passengers in cabins with not more than 08 berths Số hành khách còn lại: 1017 Number of other passengers</div> <div>CHIỀU CHÌM LÝ THUYẾT [QUY ĐỊNH 4(2)] MOULDED DRAUGHT [Regulation 4(2)] (m)</div> <div>2,200</div>
Ngày và địa điểm đo dung tích lần đầu: Date and place of original measurement		27/04/2023, Hà Nội, Việt Nam
Ngày và địa điểm đo dung tích lần gần nhất: Date and place of last previous remeasurement		

GHI CHÚ - REMARKS
